

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ M
TỈNH AN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày: 29/7/2021
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dứt

2. Bà Phạm X Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị M, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp Bình Phú, xã Bình Phước X, huyện Chợ M, tỉnh An G.

Người đại diện ủy quyền hợp pháp cho bà Phan Thị M: Chị Phan Thị Trang, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Bình Phú, xã Bình Phước X huyện Chợ M, tỉnh An G; là người đại diện theo ủy quyền; theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2022 được Ủy ban nhân dân xã Bình Phước X, huyện Chợ M chứng thực; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Ngọc C (Cầm Tú), sinh năm 1979; địa chỉ: ấp Bình Phú, xã Bình Phước X, huyện Chợ M, tỉnh An G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị M ủy quyền cho chị Phan Thị Trang trình bày, do chỗ quen biết với chị C (Cầm Tú) bà M có tham gia hội do chị C làm chủ, số tiền chị

C hưởng hoa hồng từ các hội viên khi hốt. Đến kỳ mở hội, hội viên nào mở giá hội cao nhất thì được hốt hội. Chủ hội có trách nhiệm thu tiền các hội viên khác giao cho người hốt được và hưởng hoa hồng. Bà M tham gia 05 dây hội như sau:

1/ Dây hội thứ nhất: Hội 2.000.000đ/tháng khai ngày 26.02.2020 (al), có 21 hội viên, bà M tham gia 01 phần (trong dây hội chủ hội ghi tên Bác 2 Rin). Hội khai đến lần thứ 09 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó dây hội này bà M được hưởng với số tiền: $08 \text{ lần} \times 2.000.000 = 16.000.000$ đồng.

2/ Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000đ/tháng khai ngày 01.4.2020, có 15 hội viên, bà M tham gia 01 phần (trong dây hội chủ hội ghi tên Bác 2 Rin) Hội khai đến lần thứ 7 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó dây hội này bà được hưởng với số tiền: $06 \text{ lần} = 6.000.000$ đồng.

3/ Dây hội thứ ba: Cùng chung một ngày hội 1.000.000đ/tháng khai ngày 01.4.2020, có 15 hội viên, bà M tham gia 01 phần (trong dây hội chủ hội ghi tên Bác 2 Rin) Hội khai đến lần thứ 7 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó dây hội này bà M được hưởng với số tiền: $06 \text{ lần} = 6.000.000$ đồng.

4/ Dây hội thứ tư: Hội 1.000.000đ/tháng, khai ngày 25.4.2020 (al) hội có 15 hội viên, bà M tham gia 02 phần (trong dây hội chủ hội ghi tên Bác 2 Rin) Hội khai đến lần thứ 8 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó dây hội này bà M được hưởng với số tiền: $07 \text{ lần} \times 2.000.000 = 14.000.000$ đồng.

5/ Dây hội thứ năm: Cùng chung một ngày 25.4.2020 (al) Hội 1.000.000đ/tháng, có 15 hội viên, bà M tham gia 02 phần (trong dây hội chủ hội ghi tên Bác 2 Rin) Hội khai đến lần thứ 8 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó dây hội này bà M được hưởng với số tiền: $07 \text{ lần} \times 2.000.000 = 14.000.000$ đồng.

Chị C (Cẩm Tú) đã tuyên bố bế hội vào ngày 10.10.2021 đến nay không giao dịch hội nữa. Bà M đã nhiều lần đến nhà chị C (Cẩm Tú) đòi tiền nhưng không trả .

Nay bà M yêu cầu chị Huỳnh Ngọc C (Tự Cẩm Tú) có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ hội trong 05 dây hội mà bà đã chầu là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất .

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hội viên (bản photo).

- Chị Huỳnh Thị Ngọc C (Cẩm Tú) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc C (Cầm Tú) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

- **Dây thứ nhất:** Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 26/02/2020 (âl), có 21 hụi viên, bà M tham gia 01 phần tên “Bác 2 Rin”. Hụi khai đến lần thứ 9 thì chị C tự ý ngưng hụi. Bà M được hưởng 8 lần châu hụi là 16.000.000 đồng.

- **Dây thứ hai:** Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 01/4/2020, có 15 hụi viên, bà M tham gia 01 phần tên “Bác 2 Rin”. Hụi khai đến lần thứ 7 thì chị C tự ý ngưng hụi. Bà M được hưởng 6 lần châu hụi là 6.000.000 đồng.

- **Dây thứ ba:** Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 01/4/2020, có 15 hụi viên, bà M tham gia 01 phần tên “Bác 2 Rin”. Hụi khai đến lần thứ 7 thì chị C tự ý ngưng hụi. Bà M được hưởng 6 lần châu hụi là 6.000.000 đồng.

- **Dây thứ tư:** Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/4/2020 (âl), có 15 hụi viên, bà M tham gia 02 phần tên “Bác 2 Rin”. Hụi khai đến lần thứ 8 thì chị C tự ý ngưng hụi. Bà M được hưởng 7 lần châu hụi là 14.000.000 đồng.

- **Dây thứ năm:** Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/4/2020 (âl), có 15 hụi viên, bà M tham gia 02 phần tên “Bác 2 Rin”. Hụi khai đến lần thứ 8 thì chị C tự ý ngưng hụi. Bà M được hưởng 7 lần châu hụi là 14.000.000 đồng.

Yêu cầu chị C trả 56.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phía chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, căn cứ bà M khởi kiện là 05 giấy hụi do chị C lập, thể hiện bà M có tham gia hụi với tư cách hụi viên cùng nhiều hụi viên khác. Ngoài ra, căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 14/6/2022 do ông Phạm Công Khanh, bà Phan Thị Lùn, bà Nguyễn Thị Nga, bà Phan Thị Nghe trình bày có tham gia các dây hụi cùng với bà M do chị C làm chủ hụi; sau đó chị C đã tuyên bố vỡ hụi, tự ý ngưng hụi. Xét thấy, do chị C không thực hiện nghĩa chủ hụi, nên bà M yêu cầu chị C trả số tiền 56.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và các Điều 18, 23 Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phưởng. Do bà M không yêu cầu tính lãi suất, nên không đề cập đến.

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 18, 23 Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M đối với chị Huỳnh Ngọc C (Cầm Tú).

- Buộc chị Huỳnh Ngọc C (Cầm Tú) trả cho bà Phan Thị M số tiền 56.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Phan Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc C (Cầm Tú) có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội. Chị Ngọc C có nơi cư trú tại ấp Bình Phú, xã Bình phước X, huyện Chợ M, tỉnh An G. Tòa án nhân dân huyện Chợ M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, chị Huỳnh Thị Ngọc C (Cầm Tú) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Huỳnh Thị Ngọc C (Cầm Tú) theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời khai và lời trình bày của chị Phan Thị Trang tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định giữa bà M với chị C có ký kết hợp đồng góp hội giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, do chị C tự ý ngưng không khai hội tiếp tục nhưng chị C không trả số tiền hội khi bà M có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà M cung cấp có danh sách hội viên thể hiện trong 05 dây hội được chị C ghi tên “Bác 2 Rìn”

Lời khai của bà Phan Thị Nghe, bà Phan Thị Lùn, Nguyễn Thị Nghe, ông Phạm Công Khanh là những người cùng với bà M tham gia các dây do chị C làm chủ thì cũng xác định bà M có tham gia chơi hội và hiện nay chị C còn thiếu lại bà M tổng số tiền trong các dây hội là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Như vậy, lời khai của những người làm chứng phù hợp với danh sách hội, mà bà M đã cung cấp cho Tòa án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà M yêu cầu chị C có nghĩa vụ trả số tiền hui 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

[5] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Phan Thị M ủy quyền cho chị Phan Thị Trang không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Huỳnh Thị Ngọc C (Cầm Tú) phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc C (Cầm Tú) có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M số tiền hui 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng.)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Ngọc C (Cầm Tú) phải chịu 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm ngàn đồng).

3. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An G;
- C cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn